

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(đã được soát xét)

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-37
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-37



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 744/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2010 của Bộ Xây dựng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần thứ 04 ngày 31 tháng 07 năm 2023. Tổng Công ty đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Thân Hồng Linh	Chủ tịch
Ông Trần Đức Toàn	Thành viên
Bà Kiều Bích Hoa	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Minh	Thành viên
Ông Tống Văn Toàn	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Đức Toàn	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tố Trinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Phúc	Trưởng ban
Ông Hoàng Khánh Duy	Thành viên
Ông Phạm Vũ Thành	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Tổng Công ty.

## TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**KTS. Trần Đức Toàn**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP được lập ngày 28 tháng 08 năm 2024, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tổng Công ty chưa hoàn thành xong thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với bất động sản đầu tư là 494m<sup>2</sup> sàn tầng 4, tòa nhà VG Building nhận bàn giao từ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng - CCBM, nguyên giá và hao mòn lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 lần lượt là 11,86 tỷ VND và 3,63 tỷ VND (Xem tại Thuyết minh số 12). Việc trình bày khoản mục này phụ thuộc hồ sơ pháp lý của tài sản sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng, do đó chúng tôi không xác định được các điều chỉnh cần thiết (nếu có) liên quan đến khoản mục này.

## Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Nguyễn Tuấn Anh** *W*

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

*Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024*

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>365.574.773.389</b>	<b>342.293.314.901</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>60.015.821.254</b>	<b>48.172.276.259</b>
111	1. Tiền		16.015.821.254	12.172.276.259
112	2. Các khoản tương đương tiền		44.000.000.000	36.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>140.652.999.124</b>	<b>138.316.412.822</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		140.652.999.124	138.316.412.822
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>71.634.343.374</b>	<b>72.903.342.758</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	53.700.793.516	66.709.359.852
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.213.535.524	958.414.817
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	23.245.274.292	12.269.116.150
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.525.259.958)	(7.033.548.061)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>91.676.630.830</b>	<b>82.244.204.639</b>
141	1. Hàng tồn kho		91.676.630.830	82.244.204.639
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.594.978.807</b>	<b>657.078.423</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	123.923.333	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		22.359.174	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1.448.696.300	657.078.423
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>245.611.357.346</b>	<b>248.731.357.164</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>107.902.000</b>	<b>107.902.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	107.902.000	107.902.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>81.238.065.026</b>	<b>84.038.413.613</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	79.670.265.026	81.899.873.613
222	- Nguyên giá		118.151.726.328	118.013.112.692
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.481.461.302)	(36.113.239.079)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.567.800.000	2.138.540.000
228	- Nguyên giá		9.804.648.420	9.804.648.420
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.236.848.420)	(7.666.108.420)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>12</b>	<b>8.221.026.872</b>	<b>8.412.252.680</b>
231	- Nguyên giá		11.856.000.000	11.856.000.000
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.634.973.128)	(3.443.747.320)
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>155.155.538.883</b>	<b>155.155.538.883</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		68.243.850.433	68.243.850.433
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		48.885.994.941	48.885.994.941
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		38.025.693.509	38.025.693.509
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>888.824.565</b>	<b>1.017.249.988</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	888.824.565	1.017.249.988
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>611.186.130.735</b>	<b>591.024.672.065</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>224.105.658.061</b>	<b>200.780.335.925</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>223.647.161.041</b>	<b>200.377.938.905</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	6.769.357.470	8.329.474.398
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	137.895.674.722	119.259.431.700
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.772.402.716	3.892.077.795
314	4. Phải trả người lao động		10.190.026.927	19.309.625.262
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.486.658.696	1.279.279.330
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		280.680.580	309.888.265
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	58.232.830.546	44.046.096.367
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	634.422.000	634.422.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.385.107.384	3.317.643.788
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>458.497.020</b>	<b>402.397.020</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	458.497.020	402.397.020
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>387.080.472.674</b>	<b>390.244.336.140</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>387.080.472.674</b>	<b>390.244.336.140</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		357.744.480.000	357.744.480.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		357.744.480.000	357.744.480.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.267.881.744	5.267.881.744
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.068.110.930	27.231.974.396
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		24.068.110.930	27.231.974.396
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>611.186.130.735</b>	<b>591.024.672.065</b>

Trịnh Tuấn Anh  
Người lậpNguyễn Thị Đoàn Trang  
Kế toán trưởngKTS. Trần Đức Toàn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	108.245.227.741	95.196.820.381
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		108.245.227.741	95.196.820.381
11	4. Giá vốn hàng bán	23	90.638.815.261	79.991.322.023
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.606.412.480	15.205.498.358
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	16.583.799.244	13.987.164.452
22	7. Chi phí tài chính		-	9.203.513
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7.356.286.471	12.255.755.473
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.833.925.253	16.927.703.824
31	11. Thu nhập khác	26	189.436.667	446.363.636
32	12. Chi phí khác	27	263.646.996	296.408.864
40	13. Lợi nhuận khác		(74.210.329)	149.954.772
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.759.714.924	17.077.658.596
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	2.691.603.994	1.292.797.188
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>24.068.110.930</b>	<b>15.784.861.408</b>


Trịnh Tuấn Anh  
Người lập

Nguyễn Thị Đoàn Trang  
Kế toán trưởngKTS. Trần Đức Toàn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>26.759.714.924</b>	<b>17.077.658.596</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.130.188.031	3.081.671.374
03	- Các khoản dự phòng		(508.288.103)	(161.490.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(30.413.311)	9.203.513
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(16.553.385.933)	(14.133.073.543)
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>12.797.815.608</b>	<b>5.873.969.940</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		5.278.557.075	1.547.901.053
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(9.432.426.191)	(5.390.242.441)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(879.607.335)	(12.153.829.235)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.502.090	3.083.761.336
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.817.675.702)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		320.400.000	578.419.550
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.020.242.000)	(4.340.281.069)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.251.323.545</b>	<b>(10.800.300.866)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(138.613.636)	(30.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	145.909.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.036.586.302)	(7.590.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.700.000.000	4.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.037.008.077	10.536.848.800
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>10.561.808.139</b>	<b>7.562.757.891</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(11.324.950)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>(11.324.950)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		11.813.131.684	(3.248.867.925)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		48.172.276.259	39.165.612.469
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		30.413.311	(9.203.513)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>60.015.821.254</u>	<u>35.907.541.031</u>



Trịnh Tuấn Anh  
Người lập

Nguyễn Thị Đoàn Trang  
Kế toán trưởng

KTS. Trần Đức Toàn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 744/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2010 của Bộ Xây dựng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần thứ 04 ngày 31 tháng 07 năm 2023. Tổng Công ty đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 357.744.480.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 357.744.480.000 VND; tương đương 35.774.448 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 470 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 460 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là dịch vụ tư vấn xây dựng.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kể cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng; Lập và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

**Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc sau:**

<b>Chi nhánh Tư vấn giám sát và quản lý dự án</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Tư vấn giám sát và quản lý dự án	243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Trung tâm Khoa học Công nghệ Xây dựng và Môi trường	243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	Lầu 7 - Tòa nhà HUD 159 Điện Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Tổng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Tổng Công ty.

## **2.4 . Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty và được Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

## **2.5 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## **2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## **2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết:* được điều chỉnh theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 08 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Biên bản quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm ngày 07 tháng 10 năm 2016 do Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam lập ngày 10 tháng 10 năm 2018. Quyết định 607/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 24/05/2021 về giá trị vốn nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam sang Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc và được điều chỉnh theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 08 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Biên bản quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm ngày 07 tháng 10 năm 2016 do Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam lập ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định 607/QĐ-BXD ngày 24/05/2021 về giá trị vốn Nhà Nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam sang Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày được bàn giao sang Công ty cổ phần.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.11 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được điều chỉnh lại theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 08 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 03 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm



### **2.12 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc

31 năm

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

### **2.13 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### **2.14 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 tháng đến 36 tháng.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 02 năm.

### **2.15 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí trích trước tạm tính giá thành công trình ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

**2.18 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**2.19 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc phân phối lợi nhuận.

**2.20 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.21 . Giá vốn dịch vụ cung cấp**

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

## TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

### 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thông tin chi tiết về giao dịch với bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 do Công ty công bố đồng thời Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### 2.25 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty chủ yếu trong lĩnh vực tư vấn xây dựng và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	7.512.378.847	1.711.893.493
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.503.442.407	10.460.382.766
Các khoản tương đương tiền	44.000.000.000	36.000.000.000
	<u><u>60.015.821.254</u></u>	<u><u>48.172.276.259</u></u>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**

243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	140.652.999.124	-	138.316.412.822	-
	<b>140.652.999.124</b>	-	<b>138.316.412.822</b>	-

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>68.243.850.433</b>	-	<b>68.243.850.433</b>	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	11.599.524.738	-	11.599.524.738	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC)	10.152.212.002	-	10.152.212.002	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô Thị Việt Nam (VCC)	14.039.197.402	-	14.039.197.402	-
- Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	32.452.916.291	-	32.452.916.291	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>48.885.994.941</b>	-	<b>48.885.994.941</b>	-
- Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	16.079.573.733	-	16.079.573.733	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn Xây dựng (INCOSAF)	5.723.981.751	-	5.723.981.751	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	4.984.415.910	-	4.984.415.910	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	22.098.023.547	-	22.098.023.547	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>38.025.693.509</b>	-	<b>38.025.693.509</b>	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)	21.114.000.000	-	21.114.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA (LILAMA LAND)	6.626.292.837	-	6.626.292.837	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	8.860.349.441	-	8.860.349.441	-
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á Thái Bình Dương	1.425.051.231	-	1.425.051.231	-
	<b>155.155.538.883</b>	-	<b>155.155.538.883</b>	-

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCF**

243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Tổng Công ty vào ngày 30/06/2024 như sau:****Đầu tư vào Công ty con**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	Hà Nội	51,00%	51,00%	Tư vấn xây dựng
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC)	Hà Nội	51,00%	51,00%	Tư vấn thiết kế xây dựng
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô Thị Việt Nam (VCC)	Hà Nội	51,00%	51,00%	Tư vấn xây dựng
- Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	Hà Nội	57,76%	57,76%	Khảo sát xây dựng

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	Hà Nội	35,35%	35,35%	Tư vấn xây dựng
- Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn Xây dựng (INCOSAF)	Hà Nội	49,00%	49,00%	Kiểm định xây dựng
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	Hà Nội	49,00%	49,00%	Tin học và tư vấn xây dựng
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	Hồ Chí Minh	48,57%	48,57%	Tư vấn xây dựng

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)	Hà Nội	19,70%	19,70%	Tư vấn xây dựng
- Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA (LILAMA LAND) (*)	Hà Nội	6,21%	6,21%	Xây dựng, kinh doanh BĐS
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Xây dựng, kinh doanh BĐS
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á Thái Bình Dương	Hà Nội	13,80%	13,80%	Tư vấn xây dựng

(\*) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama bao gồm 2.250.000.000 VND là giá trị ủy thác đầu tư của các Công ty khác thông qua Tổng Công ty (Chi tiết tại Thuyết minh 18 - "Phải trả khác")

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**

243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>53.700.793.516</b>	<b>(6.525.259.958)</b>	<b>66.709.359.852</b>	<b>(7.033.548.061)</b>
- Công an tỉnh Quảng Ninh	513.188.400	-	1.080.614.400	-
- Học viện Quân Y	1.119.377.939	-	2.740.170.670	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng tỉnh Yên Bái	2.492.347.000	-	2.492.347.000	-
- Văn phòng Đài truyền hình Việt Nam	-	-	2.152.542.080	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng huyện Đông Anh	1.555.307.658	-	2.149.930.909	-
- Ban quản lý các dự án đầu tư - Chi nhánh Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng	3.858.545.000	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	44.162.027.519	(6.525.259.958)	56.093.754.793	(7.033.548.061)
	<b>53.700.793.516</b>	<b>(6.525.259.958)</b>	<b>66.709.359.852</b>	<b>(7.033.548.061)</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>68.000.000</b>	<b>-</b>	<b>68.000.000</b>	<b>-</b>
- Công ty cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO	68.000.000	-	68.000.000	-
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>1.145.535.524</b>	<b>-</b>	<b>890.414.817</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	150.000.000	-	150.000.000	-
- Công ty Cổ phần ứng dụng kỹ thuật VIETMEP	150.060.900	-	150.060.900	-
- Trả trước cho người bán khác	845.474.624	-	590.353.917	-
	<b>1.213.535.524</b>	<b>-</b>	<b>958.414.817</b>	<b>-</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**

243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>a1) Chi tiết theo nội dung</b>				
- Cổ tức và lợi nhuận được chia	5.839.252.364	-	2.322.874.508	-
- Bảo hiểm xã hội	17.340.633	-	5.702.073	-
- Tạm ứng	14.326.976.808	-	6.666.976.808	-
- Ký cược, ký quỹ	71.000.000	-	71.000.000	-
- Phải thu thù lao người đại diện vốn	225.478.628	-	336.094.660	-
- Thuế TNCN	-	-	1.242.987.101	-
- Phải thu khác	2.765.225.859	-	1.623.481.000	-
	<b>23.245.274.292</b>	<b>-</b>	<b>12.269.116.150</b>	<b>-</b>
<b>a2) Chi tiết theo đối tượng</b>				
<b>Bên liên quan</b>	<b>4.865.434.364</b>	<b>-</b>	<b>1.907.235.508</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	2.016.426.000	-	1.717.035.508	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	36.108.364	-	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	562.190.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)	2.106.810.000	-	-	-
- Phải thu thù lao người đại diện vốn	143.900.000	-	190.200.000	-
<b>Bên khác</b>	<b>18.379.839.928</b>	<b>-</b>	<b>10.361.880.642</b>	<b>-</b>
- Đối tượng khác	18.379.839.928	-	10.361.880.642	-
	<b>23.245.274.292</b>	<b>-</b>	<b>12.269.116.150</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	107.902.000	-	107.902.000	-
	<b>107.902.000</b>	<b>-</b>	<b>107.902.000</b>	<b>-</b>



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Ban quản lý dự án Sở y tế Hà Nội	96.530.000	-	96.530.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển đô thị Sông Đà	167.867.000	-	167.867.000	-
- Công ty Cổ phần Xây Dựng số 1 Hà Nội	899.596.800	-	899.596.800	-
- Công ty Cổ phần Tường kính TID	773.932.585	-	773.932.585	-
- Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	694.000.000	-	694.000.000	-
- UBND thị xã Phúc Yên	341.861.000	-	341.861.000	-
- Các khoản khác	3.551.472.573	-	4.059.760.676	-
	<b>6.525.259.958</b>	<b>-</b>	<b>7.033.548.061</b>	<b>-</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	91.676.630.830	-	82.244.204.639	-
- Dự án phát triển khu đô thị ven sông Lạch Tray, Hải Phòng	2.912.915.061	-	2.857.989.506	-
- Dự án Starlake Urban Complex	411.119.855	-	542.732.128	-
- Dự án Antares Đại Dương	639.981.304	-	600.747.429	-
- Khu du lịch sinh thái Bãi Lữ	1.627.301.263	-	1.519.658.217	-
- Dự án Trung tâm tổ chức sự kiện tại Lô đất CC01, Khu Đô thị mới An Hưng	2.963.400.000	-	-	-
- Các dự án khác	83.121.913.347	-	76.723.077.359	-
	<b>91.676.630.830</b>	<b>-</b>	<b>82.244.204.639</b>	<b>-</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**

243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	69.957.264.549	38.249.868.046	7.900.751.841	1.905.228.256	118.013.112.692
- Mua trong kỳ	-	-	-	138.613.636	138.613.636
Số dư cuối kỳ	<b>69.957.264.549</b>	<b>38.249.868.046</b>	<b>7.900.751.841</b>	<b>2.043.841.892</b>	<b>118.151.726.328</b>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	12.024.262.230	16.674.048.568	5.795.902.702	1.619.025.579	36.113.239.079
- Khấu hao trong kỳ	840.613.214	1.285.084.004	150.995.248	91.529.757	2.368.222.223
Số dư cuối kỳ	<b>12.864.875.444</b>	<b>17.959.132.572</b>	<b>5.946.897.950</b>	<b>1.710.555.336</b>	<b>38.481.461.302</b>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	57.933.002.319	21.575.819.478	2.104.849.139	286.202.677	81.899.873.613
Tại ngày cuối kỳ	<b>57.092.389.105</b>	<b>20.290.735.474</b>	<b>1.953.853.891</b>	<b>333.286.556</b>	<b>79.670.265.026</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.782.766.864 VND.

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm máy tính có tổng nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 30/06/2024 lần lượt là 9.804.648.420 VND và 8.236.848.420 VND, khấu hao trong kỳ là 570.740.000 VND, giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình là 1.567.800.000 VND. Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.692.248.420 VND.

**12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư là tầng 4, tòa nhà VG Building nhận bàn giao từ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Vật liệu xây dựng - CCBM, đã được ghi nhận tại hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Tổng Công ty phê duyệt tại Quyết định 980/QĐ-BXD ngày 25/08/2015 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam. Tổng Công ty vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu của bất động sản đầu tư này.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư và giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 30/06/2024 lần lượt là 11.856.000.000 VND và 3.634.973.128 VND, khấu hao trong kỳ là 191.225.808 VND.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**

243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Phần mềm máy tính	123.923.333	-
	<b>123.923.333</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	888.824.565	1.017.249.988
	<b>888.824.565</b>	<b>1.017.249.988</b>

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	-	-	<b>131.212.524</b>	<b>131.212.524</b>
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	-	-	131.212.524	131.212.524
<b>Bên khác</b>	<b>6.769.357.470</b>	<b>6.769.357.470</b>	<b>8.198.261.874</b>	<b>8.198.261.874</b>
- Công ty Cổ phần INNO	1.057.684.757	1.057.684.757	1.057.684.757	1.057.684.757
- Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Anh Kiệt	834.025.610	834.025.610	834.025.610	834.025.610
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thiết kế xây dựng 38Architecture	542.135.051	542.135.051	922.195.109	922.195.109
- Công ty TNHH Concept Warehouse	400.000.000	400.000.000	600.000.000	600.000.000
- Phải trả nhà cung cấp khác	3.935.512.052	3.935.512.052	4.784.356.398	4.784.356.398
	<b>6.769.357.470</b>	<b>6.769.357.470</b>	<b>8.329.474.398</b>	<b>8.329.474.398</b>

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí trích trước của các hợp đồng tư vấn	1.341.448.106	1.113.549.629
- Chi phí phải trả khác	145.210.590	165.729.701
	<b>1.486.658.696</b>	<b>1.279.279.330</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**

243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
<i>Bên khác</i>				
- Công ty TNHH SLUC	4.751.000.000		2.876.000.000	
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	1.700.000.000		1.700.000.000	
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	3.353.400.000		-	
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Ngân Lược (NIAD)	4.882.435.500		-	
- Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngân Anh	1.900.000.000		1.900.000.000	
- IC Ictasnsaat Sanayi ve Ticaret A.S	7.756.573.004		10.622.453.504	
- Công ty Cổ phần Vega City	2.758.921.347		1.283.941.475	
- Công ty Cổ phần Everland Phú Yên	4.438.094.295		4.438.094.295	
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Á Đại Thành	2.700.000.000		2.700.000.000	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	2.328.186.465		3.523.265.624	
- Người mua trả tiền trước khác	101.327.064.111		90.215.676.802	
	<b>137.895.674.722</b>		<b>119.259.431.700</b>	

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	11.387.515		2.186.188.710		6.651.568.588		34.538.129		390.920.965	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.647.844.490		2.817.675.702		-		2.320.641.565	
Thuế Thu nhập cá nhân	645.690.908		29.044.595		783.259.404		1.414.158.171		31.840.186	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		1.056.064.464		-		-	
Các loại thuế khác	-		29.000.000		352.823.803		-		29.000.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		159.773.331		-		-	
	<b>657.078.423</b>		<b>3.892.077.795</b>		<b>9.909.872.336</b>		<b>11.821.165.292</b>		<b>1.448.696.300</b>	
									<b>2.772.402.716</b>	

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**

243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	181.375.333	23.200.747
- Bảo hiểm xã hội	1.382.237	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	208.038.100	308.210.700
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	21.501.310.059	36.641.259
- Các khoản về ủy thác đầu tư	2.250.000.000	2.250.000.000
- Các khoản phải trả chủ nhiệm dự án (*)	32.245.346.439	39.972.680.500
- Phải trả thù lao người đại diện vốn	1.788.378.378	1.403.363.161
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	57.000.000	52.000.000
	<b>58.232.830.546</b>	<b>44.046.096.367</b>

(\*) Khoản phải trả khác là khoản phải trả cho các bộ phận nghiệp vụ về chi phí đã thực hiện các hợp đồng của Tổng Công ty theo tỷ lệ giao khoán.

**b) Dài hạn**

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	458.497.020	402.397.020
	<b>458.497.020</b>	<b>402.397.020</b>

**c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan**

<b>Phải trả về ủy thác đầu tư</b>	<b>2.250.000.000</b>	<b>2.250.000.000</b>
- Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	375.000.000	375.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC)	375.000.000	375.000.000
- Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	375.000.000	375.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	375.000.000	375.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)	375.000.000	375.000.000
- Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	375.000.000	375.000.000
<b>Phải trả thù lao người đại diện vốn</b>	<b>1.462.178.181</b>	<b>1.138.062.964</b>
- Nguyễn Xuân Hải	278.000.000	218.000.000
- Nguyễn Bá Minh	90.000.000	72.000.000
- Trần Bình Trọng	23.323.911	23.323.911
- Nguyễn Thị Tố Trinh	529.860.224	467.497.728
- Nguyễn Trường Linh	119.777.514	95.777.514
- Nguyễn Văn Phúc	166.233.324	142.399.992
- Nguyễn Đình Thi	254.983.208	119.063.819
	<b>3.712.178.181</b>	<b>3.388.062.964</b>

**19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Dự phòng phải trả liên quan đến Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên theo kết luận số 167/KL-TTCTP ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Thanh tra Chính Phủ về Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 – Công ty Gang thép Thái Nguyên và có thể phải trả lại giá trị hợp đồng đã thu.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**

243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	357.744.480.000	5.267.881.744	17.906.023.147	380.918.384.891
Lãi trong kỳ trước	-	-	15.784.861.408	15.784.861.408
Phân phối lợi nhuận	-	-	(17.906.023.147)	(17.906.023.147)
Số dư cuối kỳ trước	357.744.480.000	5.267.881.744	15.784.861.408	378.797.223.152
Số dư đầu năm nay	357.744.480.000	5.267.881.744	27.231.974.396	390.244.336.140
Lãi trong kỳ này	-	-	24.068.110.930	24.068.110.930
Phân phối lợi nhuận	-	-	(27.231.974.396)	(27.231.974.396)
Số dư cuối kỳ này	357.744.480.000	5.267.881.744	24.068.110.930	387.080.472.674

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 42/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

Số tiền	VND
Trích Quỹ thưởng của Người quản lý	558.900.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.208.405.596
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ) (*)	21.464.668.800

(\*) Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa chốt danh sách chia cổ tức năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**

243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	87,32	312.377.480.000	87,32	312.377.480.000
Oriental Consultants Global Co., Ltd.	6,92	24.760.000.000	6,92	24.760.000.000
Các cổ đông khác	5,76	20.607.000.000	5,76	20.607.000.000
	<b>100</b>	<b>357.744.480.000</b>	<b>100</b>	<b>357.744.480.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	357.744.480.000	357.744.480.000
- Vốn góp đầu kỳ	357.744.480.000	357.744.480.000
- Vốn góp cuối kỳ	357.744.480.000	357.744.480.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	36.641.259	41.803.084
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	21.464.668.800	13.415.418.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	21.464.668.800	13.415.418.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	(11.324.950)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	(11.324.950)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	21.501.310.059	13.445.896.134

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.774.448	35.774.448
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	35.774.448	35.774.448
- Cổ phiếu phổ thông	35.774.448	35.774.448
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.774.448	35.774.448
- Cổ phiếu phổ thông	35.774.448	35.774.448
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.267.881.744	5.267.881.744
	<b>5.267.881.744</b>	<b>5.267.881.744</b>

**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh thời hạn thuê 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 2.500m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.645,92	50.432,12

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế	104.316.490.718	91.558.846.763
Doanh thu cho thuê sàn văn phòng	3.928.737.023	3.637.973.618
	<b>108.245.227.741</b>	<b>95.196.820.381</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	-	155.000.000

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ tư vấn, thiết kế đã cung cấp	88.335.985.283	77.912.536.173
Giá vốn cho thuê sàn văn phòng	2.302.829.978	2.078.785.850
	<b>90.638.815.261</b>	<b>79.991.322.023</b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	417.282.519	1.479.643.347

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.173.934.569	2.527.941.535
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.379.451.364	11.459.222.917
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	30.413.311	-
	<b>16.583.799.244</b>	<b>13.987.164.452</b>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	12.867.572.364	9.013.997.265

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	182.383.271	95.062.806
Chi phí nhân công	2.888.269.224	4.827.351.571
Chi phí khấu hao tài sản cố định	724.299.486	689.251.603
Thuế, phí, lệ phí	1.062.064.464	377.124.083
Hoàn nhập dự phòng	(508.288.103)	(161.490.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.044.704	187.341.458
Chi phí khác bằng tiền	2.875.513.425	6.241.113.952
	<b>7.356.286.471</b>	<b>12.255.755.473</b>



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**26 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	145.909.091
Thu từ giải thưởng kết quả thi phương án thiết kế	189.436.667	300.454.545
	<b>189.436.667</b>	<b>446.363.636</b>

**27 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	41.335.126	10.626.992
Chi phí thi tuyển phương án thiết kế	222.311.870	252.163.118
Chi phí khác	-	33.618.754
	<b>263.646.996</b>	<b>296.408.864</b>

**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.759.714.924	17.077.658.596
Các khoản điều chỉnh tăng	14.135.126	845.550.259
- Chi phí không hợp lệ	14.135.126	845.550.259
Các khoản điều chỉnh giảm	(13.409.864.675)	(11.459.222.917)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(13.379.451.364)	(11.459.222.917)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(30.413.311)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.363.985.375	6.463.985.938
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>2.672.797.075</b>	<b>1.292.797.188</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	18.806.919	-
Thu lại thuế thu nhập doanh nghiệp các phòng nghiệp vụ	798.868.783	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.647.844.490	(332.314.065)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.817.675.702)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>2.320.641.565</b>	<b>960.483.123</b>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2024	2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.746.343.012	11.493.178.730
Chi phí nhân công	42.887.972.197	34.400.023.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.130.188.031	3.081.671.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.190.902.582	11.178.909.644
Chi phí khác bằng tiền	34.383.605.434	37.483.536.678
	<b>107.339.011.256</b>	<b>97.637.319.937</b>

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.503.442.407	-	-	52.503.442.407
Phải thu khách hàng, phải thu khác	70.420.807.850	107.902.000	-	70.528.709.850
Các khoản cho vay	140.652.999.124	-	-	140.652.999.124
	<b>263.577.249.381</b>	<b>107.902.000</b>	<b>-</b>	<b>263.685.151.381</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.460.382.766	-	-	46.460.382.766
Phải thu khách hàng, phải thu khác	71.944.927.941	107.902.000	-	72.052.829.941
Các khoản cho vay	138.316.412.822	-	-	138.316.412.822
	<b>256.721.723.529</b>	<b>107.902.000</b>	<b>-</b>	<b>256.829.625.529</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	65.002.188.016	458.497.020	-	65.460.685.036
Chi phí phải trả	1.486.658.696	-	-	1.486.658.696
	<b>66.488.846.712</b>	<b>458.497.020</b>	<b>-</b>	<b>66.947.343.732</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	52.375.570.765	402.397.020	-	52.777.967.785
Chi phí phải trả	1.279.279.330	-	-	1.279.279.330
	<b>53.654.850.095</b>	<b>402.397.020</b>	<b>-</b>	<b>54.057.247.115</b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Tổng Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC)	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô Thị Việt Nam (VCC)	Công ty con
Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn Xây dựng (INCOSAF)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VCC Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VCC Hà Nội	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)	Ông Nguyễn Xuân Hải - Phó Tổng Giám đốc đồng thời là Thành viên HĐQT CONINCO
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà số 5 Lạc Long Quân	Công ty liên kết của công ty con
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Điều hành hoạt động của Tổng Công ty
Các cá nhân, tổ chức khác là người có liên quan của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc <i>(Chi tiết được trình bày tại Báo cáo tình hình quản trị Tổng Công ty hàng kỳ)</i>	Người có liên quan đến Ban điều hành Tổng Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>417.282.519</b>	<b>1.479.643.347</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	204.842.519	220.384.088
Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	-	1.259.259.259
Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	212.440.000	-

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**

243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>12.867.572.364</b>	<b>9.013.997.265</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	36.108.364	68.601.265
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC)	1.248.480.000	1.346.400.000
Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	1.365.938.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô Thị Việt Nam (VCC)	2.879.766.000	2.925.666.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)	2.106.810.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn Xây dựng (INCOSAF)	725.200.000	818.300.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	562.190.000	496.050.000
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	2.290.680.000	1.018.080.000
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	1.652.400.000	2.340.900.000
<b>Bán hàng hóa, dịch vụ</b>	-	<b>155.000.000</b>
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	-	155.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

<b>Tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị</b>	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thân Hồng Linh	243.000.000	273.000.000
Kiều Bích Hoa	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Bá Minh	189.000.000	24.000.000
Tổng Văn Toàn (Bổ nhiệm ngày 28/06/2023)	24.000.000	-

<b>Tiền lương và thù lao Ban Tổng Giám đốc</b>	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Trần Đức Toàn	240.000.000	291.000.000
Nguyễn Thị Tố Trinh	189.000.000	264.000.000
Nguyễn Đình Thi	189.000.000	216.000.000
Nguyễn Xuân Hải	189.000.000	216.000.000
Nguyễn Trường Linh	189.000.000	216.000.000
Nguyễn Minh Hồng	189.000.000	216.000.000

<b>Tiền lương và thù lao Ban Kiểm soát</b>	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Nguyễn Văn Phúc	189.000.000	216.000.000
Hoàng Khánh Duy	18.000.000	18.000.000
Phạm Vũ Thành	18.000.000	18.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP**

243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa,  
thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.



**Trịnh Tuấn Anh**  
Người lập



**Nguyễn Thị Đoan Trang**  
Kế toán trưởng



**KTS. Trần Đức Toàn**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

